TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T
Số: 257 /2020/QĐST - HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 17 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:277/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Đình H; Sinh năm: 1985

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã X,huyện T, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Lê Thị T; Sinh năm: 1991

Hiện ở: Xóm 3, xã M, huyện Y, tỉnh N.

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã X,huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào Điều 212;Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 55;57;81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09/11/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có sự đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Đình H và chị Lê Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Hà Đình H và chị Lê Thị T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.
- Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là Hà Thị T, sinh ngày 12/9 / 2012 và cháu Hà Đình Hòa sinh ngày 18/02/2015.

Hai bên thống nhất thỏa thuận anh Hà Đình H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị T và Hà Đình Hcho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi,phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư. Chị Lê Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên một tháng cho

đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, Kể từ tháng 11 năm 2020

Chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản:Tài sản chung của vợ chồng không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận anh Hà Đình H chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0006224 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án đân sự huyện T.Anh Hà Đình H được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Lê Thị T phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi quyết đinh có hiệu lực pháp luật trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ướng với thời gian chậm trả trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy đinhtại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã X
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

CAO HỒNG ĐỨC